

Số: 29/2024/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Khu Đô Thị L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội;

Bị đơn: anh Phạm Hồng T1, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn B, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2024,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Hồng T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ con chung: chị Nguyễn Thị T2 anh Phạm Hồng T3 nhất vợ chồng có một con chung là Phạm Nguyễn Thảo C ngày 18/6/2019, hiện nay đang sống chung cùng anh T1 tại thôn B, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Chị T2 và anh T1 thỏa thuận giao con Phạm Nguyễn Thảo C1 anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị T4

dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng, việc cấp dưỡng kể từ tháng 06/2024 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T2 anh Phạm Hồng T3 nhất vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị T2 anh Phạm Hồng T5 người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn, chị T6 chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ; chị T7 thuận nộp thay án phí ly hôn thay cho anh T8 cộng án phí chị T6 chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh theo biên lai thu tiền số 0003843, ngày 03/5/2024, chị T9 nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND P. Hữu Nghị, TP Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(đã ký)**

**Trần Thị Nam**